

PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐA VĂN HÓA: TRIỂN VỌNG QUỐC TẾ HÓA GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM

MULTICULTURAL EDUCATION DEVELOPMENT: THE PROSPECT OF INTERNATIONALIZATION OF EDUCATION IN VIETNAM

Dương Trường Phúc*

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc Gia Hồ Chí Minh, Việt Nam¹

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: duongtruongphuc@gmail.com

(Nhận bài / Received: 16/6/2025; Sửa bài / Revised: 17/7/2025; Chấp nhận đăng / Accepted: 11/8/2025)

DOI: 10.31130/ud-jst.2025.23(8C).447

Tóm tắt - Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng và gia tăng tính đa dạng văn hóa trong xã hội, giáo dục đa văn hóa đang nổi lên như một hướng tiếp cận chiến lược nhằm nâng cao chất lượng, công bằng và năng lực hội nhập quốc tế của hệ thống giáo dục Việt Nam. Bài viết phân tích mối quan hệ tương hỗ giữa giáo dục đa văn hóa và triển vọng quốc tế hóa giáo dục, nhấn mạnh rằng giáo dục đa văn hóa không chỉ giúp hình thành năng lực toàn cầu và bản sắc lai tạo ở người học, mà còn thúc đẩy quốc tế hóa tại chỗ, nâng cao chỉ số cạnh tranh học thuật và mở rộng hợp tác quốc tế. Đồng thời, bài viết cũng chỉ ra vai trò then chốt của giáo dục đa văn hóa trong việc tái cấu trúc chương trình đào tạo, tăng cường năng lực giảng dạy liên văn hóa cho giáo viên, và định vị bản sắc giáo dục Việt Nam trong không gian toàn cầu. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển giáo dục đa văn hóa như một nền tảng bền vững cho tiến trình quốc tế hóa giáo dục Việt Nam.

Từ khóa - Công dân toàn cầu; chủ nghĩa đa văn hóa; toàn cầu hóa văn hóa

1. Giới thiệu

Thế kỷ XXI, Thế giới chứng kiến sự gia tăng và biến đổi không ngừng dòng chảy con người, văn hóa, tư tưởng, giá trị, tri thức, công nghệ... nhờ vào toàn cầu hóa. Những sự gia tăng và biến đổi này đặt ra những yêu cầu hội nhập quốc tế đối với đào tạo và nghiên cứu khoa học [1], trong đó quốc tế hóa giáo dục (*internationalization of education*) được xem là một trong những giải pháp quan trọng đảm bảo tính hội nhập trong lĩnh vực này.

Khái niệm quốc tế hóa đã được quan tâm trong nhiều lĩnh vực liên quan đến kinh doanh, dịch vụ và cả giáo dục [2], [3], [4]. Trong những thập niên gần đây, quốc tế hóa giáo dục đã trở thành chiến lược trọng tâm trong cải cách giáo dục ở nhiều quốc gia [5], [6], đặc biệt tại các nền kinh tế mới nổi ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trở thành một trong những tiêu chí hàng đầu để đánh giá chất lượng, đẳng cấp và thương hiệu cũng như trở thành một phần thiết yếu của chiến lược phát triển ở các cơ sở đào tạo [7], [8].

Bản chất của quốc tế hóa giáo dục đã có sự thay đổi tùy thuộc vào bối cảnh xã hội hiện đại [9]. Nếu ban đầu quốc tế hóa giáo dục chỉ gắn với tuyển sinh quốc tế thì đến nay quốc tế hóa giáo dục đã được mở rộng theo định hướng trải nghiệm quốc tế của người học trong bối cảnh thế giới

Abstract - In the context of deepening globalization and increasing cultural diversity within society, multicultural education is emerging as a strategic approach to enhance the quality, equity, and international integration capacity of Vietnam's education system. This article analyzes the reciprocal relationship between multicultural education and the prospects for the internationalization of education, emphasizing that multicultural education not only cultivates learners' global competencies and hybrid identities but also fosters "internationalization at home" improves academic competitiveness, and expands international cooperation. Drawing on comparative perspectives, the paper argues that multicultural education serves as a critical driver in restructuring curricula, enhancing teachers' intercultural pedagogical competencies, and positioning Vietnam's educational identity within the global landscape. Accordingly, the paper proposes some solutions to promote multicultural education as a sustainable foundation for the internationalization process of Vietnamese education.

Key words - Global citizens; multiculturalism; cultural globalization

mới [10].

Đối với Việt Nam, quốc tế hóa giáo dục không chỉ là động lực nâng cao chất lượng đào tạo, mà còn là yêu cầu thiết yếu trong tiến trình hội nhập tri thức và lao động toàn cầu. Tuy nhiên, quốc tế hóa không thể chỉ dừng lại ở mức độ kỹ thuật (như mở rộng chương trình liên kết quốc tế, tăng cường số lượng sinh viên trao đổi), mà đòi hỏi sự chuyển đổi mang tính hệ hình - tái định nghĩa lại mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục trong một thế giới đa nguyên văn hóa [11] - [13].

Trong bối cảnh đó, giáo dục đa văn hóa (*multicultural education*) nổi lên như một nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng để xây dựng hệ thống giáo dục toàn diện, công bằng và có năng lực toàn cầu. Từ những năm 1960 tại Hoa Kỳ, phong trào dân quyền yêu cầu sửa chữa các bất công lịch sử đối với người Mỹ gốc Phi, người bản địa, và các nhóm nhập cư đã thúc đẩy sự hình thành một nền giáo dục công nhận sự đa dạng văn hóa và chủ trương thúc đẩy công bằng cho các nhóm thiểu số [14] - [20]. Trong các thập niên tiếp theo, giáo dục đa văn hóa được tiếp cận từ nhiều góc độ như một phong trào chính trị - xã hội, một triết lý giáo dục, và một chiến lược sư phạm. Đến đầu thế kỷ XXI, trong bối cảnh toàn cầu hóa, lý thuyết giáo dục đa văn hóa được

¹ University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM, Vietnam (Truong-Phuc Duong)

tích hợp vào các chiến lược quốc tế hóa giáo dục nhằm đào tạo công dân thích ứng với xã hội toàn cầu hóa [18], [19].

Giáo dục đa văn hóa được xây dựng trên nền tảng lý luận của ba dòng tư tưởng chính là i) thuyết công bằng xã hội trong giáo dục (*social justice in education*) nhấn mạnh rằng hệ thống giáo dục cần đảm bảo cơ hội tiếp cận công bằng, không phân biệt sắc tộc, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo. Giáo dục đa văn hóa vì vậy được xem là công cụ để xóa bỏ bất bình đẳng cơ cấu [21] - [23]; ii) lý thuyết phê phán (*critical pedagogy*) thúc đẩy việc nhận thức và chất vấn những cấu trúc quyền lực bất bình đẳng trong giáo dục [24]. Giáo dục đa văn hóa trong khung lý thuyết này là quá trình nâng cao nhận thức văn hóa, khuyến khích đối thoại liên văn hóa, và giải phóng tư duy bản vị (*ethnocentrism*); và iii) lý thuyết giao tiếp liên văn hóa (*intercultural communication theory*) cung cấp cơ sở để phát triển năng lực văn hóa (*cultural competence*), yếu tố thiết yếu trong việc chuẩn bị cho người học thích ứng với môi trường học tập và làm việc quốc tế đa văn hóa [25], [26].

Việt Nam, với đặc điểm dân tộc học đa dạng, đang đối diện với nhiều thách thức liên quan đến bất bình đẳng học thuật, khoảng cách văn hóa vùng miền, và năng lực người dạy trong môi trường đa văn hóa. Do đó, phát triển giáo dục đa văn hóa không chỉ giúp Việt Nam giải quyết các vấn đề nội tại, mà còn mở ra những triển vọng chiến lược cho tiến trình quốc tế hóa giáo dục theo hướng chủ động, bền vững và có chiều sâu. Bài viết này được triển khai nhằm làm rõ mối quan hệ giữa giáo dục đa văn hóa và quốc tế hóa giáo dục tại Việt Nam, từ đó đưa ra những đề xuất về mặt lý luận và khuyến nghị thực tiễn góp phần thúc đẩy vai trò của giáo dục đa văn hóa đối với quốc tế hóa giáo dục.

Bài viết được triển khai theo hướng nghiên cứu lý luận, sử dụng phương pháp định tính nhằm phân tích các chiều cạnh xoay quanh giáo dục đa văn hóa và quốc tế hóa giáo dục. Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu chủ yếu là các tài liệu thứ cấp như sách chuyên khảo, tập san khoa học... Bài viết sử dụng phân tích chủ đề nhằm phát hiện và tổng hợp các chủ đề lý luận nổi bật lặp lại xuyên suốt các tài liệu nghiên cứu. Phương pháp này được phát triển và hệ thống hóa với các bước chính như làm quen dữ liệu, mã hóa, xác định chủ đề, rà soát chủ đề, đặt tên và định nghĩa chủ đề, viết báo cáo [27]. Trong bài viết này, phân tích chủ đề giúp phát hiện các nhóm vấn đề lý luận như: (i) nguồn gốc và lịch sử phát triển giáo dục đa văn hóa; (ii) vai trò của giáo dục đa văn hóa đối với giáo dục quốc gia; (iii) triển vọng của giáo dục đa văn hóa đối với quốc tế hóa giáo dục. Việc hệ thống hóa các chủ đề cho phép kết nối các phát hiện rời rạc thành hệ thống lý luận có chiều sâu và tính liên kết cao.

2. Thực trạng giáo dục đa văn hóa và quốc tế hóa giáo dục ở Việt Nam

2.1. Thực trạng Giáo dục đa văn hóa ở Việt Nam

Giáo dục đa văn hóa cũng tồn tại “sự đa dạng” khi đến nay vẫn chưa thống nhất về phương diện khái niệm vì mỗi quốc gia, mỗi cộng đồng, mỗi cơ sở giáo dục tùy thuộc vào những mục đích khác nhau. Tuy vậy, những đặc trưng cơ bản của giáo dục đa văn hóa có thể biểu thị thông qua tính dân chủ trong việc cho phép mọi đối tượng đều có cơ hội

ngang nhau trong tham gia giáo dục và tính linh hoạt trong việc thay đổi cấu trúc thích nghi với những bối cảnh xã hội khác nhau. Trên cơ sở những đặc trưng đó, bài viết cũng khái quát một số nét cơ bản về thực trạng phát triển giáo dục đa văn hóa ở Việt Nam.

Thứ nhất, khuôn khổ chính sách và quan điểm về giáo dục đa văn hóa ở Việt Nam đã trải qua một quá trình phát triển từ cách tiếp cận mang tính riêng lẻ sang nhận thức về sự cần thiết của một chiến lược toàn diện hơn [13]. Ban đầu, các chính sách giáo dục chủ yếu tập trung vào việc bảo tồn và phát huy văn hóa của các dân tộc thiểu số vốn là một dạng thức giáo dục đa văn hóa theo nghĩa hẹp. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, quan điểm về giáo dục đa văn hóa đã dần mở rộng. Điều này được thể hiện gián tiếp trong các chiến lược quốc tế hóa giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo thúc đẩy các chương trình liên kết và trao đổi.

Thứ hai, sự hiện diện ngày càng tăng của sinh viên quốc tế đã tạo ra một môi trường học đường đa văn hóa đầy tiềm năng. Với khoảng 45.000 sinh viên quốc tế vào năm học 2022-2023 [28], các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam đang dần trở thành điểm đến học tập quốc tế. Sự giao thoa văn hóa này, dù ở mức độ ban đầu, đã làm phong phú thêm môi trường học tập, mang đến cơ hội tiếp xúc và tìm hiểu văn hóa cho cả sinh viên Việt Nam lẫn sinh viên quốc tế. Một số trường đã chủ động tổ chức các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ văn hóa quốc tế, và các sự kiện giới thiệu văn hóa nhằm thúc đẩy giao lưu và hiểu biết lẫn nhau.

Thứ ba, về chương trình và tài liệu, đã có những nỗ lực tích hợp yếu tố đa văn hóa vào các môn học ở cấp phổ thông với các nội dung về văn hóa, phong tục, tập quán của các dân tộc thiểu số. Ở bậc đại học, một số chương trình quốc tế và liên kết cũng gián tiếp đưa sinh viên vào môi trường học tập đa văn hóa, khuyến khích thích nghi và tương tác với các phong cách học tập và nền văn hóa khác nhau [13]. Các tài liệu học tiếng Việt cho người nước ngoài cũng ngày càng được cải thiện, không chỉ dừng lại ở ngôn ngữ mà còn lồng ghép các khía cạnh văn hóa Việt Nam, hỗ trợ quá trình hòa nhập của sinh viên quốc tế.

Bên cạnh những thành tựu, thực trạng giáo dục đa văn hóa ở Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều hạn chế mang tính hệ thống và chiều sâu, cản trở việc xây dựng một nền giáo dục thực sự đa văn hóa và hòa nhập. *Thứ nhất*, hạn chế lớn nhất nằm ở việc thiếu vắng một chính sách quốc gia toàn diện và một khung pháp lý chuyên biệt về giáo dục đa văn hóa theo nghĩa rộng. Các quy định hiện hành còn rời rạc, tập trung chủ yếu vào giáo dục cho dân tộc thiểu số, thiếu một triết lý chỉ đạo xuyên suốt cho việc thúc đẩy sự tôn trọng và tương tác văn hóa giữa các nhóm trong xã hội, bao gồm cả nhóm có yếu tố quốc tế. *Thứ hai*, năng lực của đội ngũ người dạy trong việc dạy học và quản lý môi trường đa văn hóa còn rất hạn chế. Nhiều giáo viên chưa được trang bị đầy đủ năng lực liên văn hóa dẫn đến sự thiếu nhạy cảm văn hóa trong giao tiếp, giảng dạy và quản lý lớp học. *Thứ ba*, chương trình đào tạo và tài liệu học tập còn thiếu chiều sâu và tính đại diện. Mặc dù có lồng ghép nội dung về văn hóa dân tộc thiểu số, nhưng chúng thường mang tính mô tả, bề nổi, ít đi sâu vào phân tích giá trị và sự đóng góp của các nền văn hóa này. *Thứ tư*, môi trường học

đường và văn hóa tổ chức chưa thực sự hòa nhập. Mặc dù có sự hiện diện của người học đa dạng, mức độ hòa nhập xã hội giữa các nhóm văn hóa (đặc biệt là sinh viên Việt Nam và sinh viên quốc tế) còn khá hạn chế. *Cuối cùng*, mức độ đáp ứng kỳ vọng xã hội và phát triển năng lực công dân toàn cầu còn chưa đầy đủ. Việc chưa thực sự thúc đẩy “quyền được khác biệt” và khuyến khích tư duy phê phán về các định kiến cũng là một điểm yếu cần được cải thiện để đáp ứng kỳ vọng xã hội về một nền giáo dục tiến bộ và nhân văn.

2.2. Thực trạng Quốc tế hóa giáo dục ở Việt Nam

Quốc tế hóa giáo dục trên phương diện khái niệm không có sự đồng nhất trong mỗi quốc gia, mỗi cơ sở giáo dục và mỗi chủ thể tham gia [29]. Mặc dù vậy, khái niệm “quốc tế hóa giáo dục là quá trình tích hợp chiều kích có tính chất quốc tế, liên văn hóa hay toàn cầu vào mục đích, chức năng hay quá trình triển khai giáo dục” được sử dụng phổ biến trong nhiều nghiên cứu [5, p. 21]. Trên cơ sở khái niệm này, bài viết tập trung phân tích thảo luận về thực trạng quốc tế hóa giáo dục ở Việt Nam.

Thứ nhất, Việt Nam đã tích cực mở rộng và đa dạng hóa các quan hệ hợp tác quốc tế trong giáo dục. Hàng loạt các hiệp định, thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương đã được ký kết với các quốc gia và tổ chức giáo dục hàng đầu thế giới (như các quốc gia trong ASEAN, EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc). Việc hợp tác này không chỉ thể hiện qua các dự án nghiên cứu chung, chương trình trao đổi giảng viên và sinh viên, mà còn qua việc tham gia tích cực vào các diễn đàn và mạng lưới giáo dục quốc tế, góp phần đáng kể vào việc chuyển giao tri thức, công nghệ, và kinh nghiệm quản lý giáo dục tiên tiến vào Việt Nam.

Thứ hai, có sự gia tăng đáng kể về dòng chảy sinh viên quốc tế và du học sinh Việt Nam. Số lượng sinh viên Việt Nam đi du học tăng mạnh mẽ trong những năm gần đây, phản ánh nhu cầu và khả năng tiếp cận giáo dục quốc tế của người Việt. Ngược lại, Việt Nam cũng đã trở thành một điểm đến học tập được quan tâm. Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, số lượng sinh viên quốc tế tại Việt Nam đã tăng lên khoảng 45.000 người vào năm học 2022-2023 [28]. Mặc dù, con số này còn khiêm tốn so với các trung tâm giáo dục khu vực như Singapore hay Malaysia nhưng đã thể hiện tiềm năng và sức hút ngày càng tăng của giáo dục Việt Nam trên bản đồ quốc tế.

Thứ ba, sự phát triển đa dạng của các chương trình đào tạo quốc tế và liên kết là một điểm sáng. Nhiều trường đại học tại Việt Nam đã chủ động xây dựng và triển khai hàng trăm chương trình đào tạo liên kết với các trường đại học nước ngoài uy tín ở nhiều cấp độ (đại học, sau đại học) [13]. Các chương trình này thường sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giảng dạy, tập trung vào các ngành có nhu cầu cao trên thị trường lao động toàn cầu như kinh tế, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, và cung cấp các lựa chọn cấp bằng linh hoạt. Điều này không chỉ mở ra cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng quốc tế ngay tại Việt Nam mà còn giảm áp lực và chi phí cho việc du học.

Thứ tư, đã có những đầu tư đáng kể vào cơ sở vật chất, công nghệ và chuẩn hóa chất lượng. Nhiều cơ sở giáo dục đã nhận thức được tầm quan trọng của việc đáp ứng các

tiêu chuẩn quốc tế nên đầu tư mạnh mẽ vào xây dựng phòng học hiện đại, thư viện điện tử, phòng thí nghiệm tiên tiến, và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và giảng dạy. Đồng thời, việc chủ động đăng ký kiểm định chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế và khu vực (như AUN-QA, ABET) đã trở nên phổ biến hơn. Điều này thể hiện nỗ lực của các trường trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, minh bạch hóa quy trình và tăng cường tính cạnh tranh quốc tế.

Mặc dù, có những thành tựu đáng ghi nhận, quốc tế hóa giáo dục ở Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức mang tính hệ thống và chiều sâu, cản trở việc đạt được tính bền vững và hiệu quả tối ưu. *Thứ nhất*, thiếu một chiến lược quốc gia về quốc tế hóa giáo dục toàn diện và đồng bộ là hạn chế lớn nhất. Quá trình quốc tế hóa giáo dục ở Việt Nam hiện vẫn còn mang tính tự phát, manh mún, chủ yếu do sáng kiến riêng lẻ của từng cơ sở giáo dục, thiếu một chiến lược quốc gia rõ ràng, toàn diện và đồng bộ. *Thứ hai*, năng lực của đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý còn là một điểm trở lực lớn cho sự phát triển chiều sâu. Mặc dù số lượng chương trình liên kết và sinh viên quốc tế tăng, nhưng năng lực của đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý để giảng dạy và điều hành các chương trình quốc tế vẫn còn là một rào cản đáng kể. *Thứ ba*, chất lượng chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra chưa đồng đều, chưa thực sự đổi mới về phương pháp giảng dạy (ít tính tương tác, tư duy phản biện, kỹ năng mềm), và chưa đảm bảo được chuẩn đầu ra tương đương với các chương trình gốc ở nước ngoài, tiềm ẩn nguy cơ “quốc tế hóa giả”. *Thứ tư*, cơ hội phát triển năng lực công dân toàn cầu cho người học Việt Nam chưa được tối ưu. Sinh viên có thể học về thể giới nhưng chưa thực sự học cách sống và làm việc trong thể giới đa dạng đó, dẫn đến việc thiếu hụt những kỹ năng thiết yếu trong môi trường làm việc toàn cầu và khả năng thích ứng linh hoạt.

3. Vai trò giáo dục đa văn hóa trong bối cảnh giáo dục ở Việt Nam

Phát triển giáo dục đa văn hóa thúc đẩy công bằng học thuật và hòa nhập toàn diện. Giáo dục đa văn hóa đóng vai trò then chốt trong việc tái cấu trúc hệ thống giáo dục khỏi xu hướng đồng nhất hóa (*homogenization*), vốn thường lấy văn hóa dân tộc đa số làm trung tâm và bỏ qua các diễn ngôn thiểu số. Bằng cách thúc đẩy một chương trình học theo hướng đa nguyên văn hóa (*cultural pluralism*), giáo dục đa văn hóa đảm bảo rằng mọi học sinh, đặc biệt là các nhóm yếu thế như học sinh dân tộc thiểu số, học sinh di cư, hay người học có hoàn cảnh văn hóa đặc biệt, đều có cơ hội tiếp cận giáo dục một cách công bằng và cảm thấy được hòa nhập toàn diện.

Giáo dục đa văn hóa góp phần nâng cao năng lực sự phạm liên văn hóa cho người dạy. Người dạy là người trung gian chủ chốt trong việc thực thi giáo dục đa văn hóa và định hình trải nghiệm quốc tế hóa giáo dục của người học. Giáo dục đa văn hóa khi được tích hợp sâu rộng vào chương trình đào tạo sự phạm và các khóa bồi dưỡng, sẽ giúp xây dựng năng lực sự phạm liên văn hóa cho người dạy. Năng lực này cho phép người dạy không chỉ truyền đạt kiến thức chuyên môn mà còn gợi mở đối thoại đa văn

hóa, quản lý xung đột văn hóa một cách khéo léo, và dẫn dắt sự khác biệt trong lớp học một cách tích cực.

Giáo dục đa văn hóa định vị và phát huy bản sắc Việt Nam trong tương quan toàn cầu. Một nền giáo dục đa văn hóa không đồng nghĩa với việc “Tây hóa” hay xóa nhòa bản sắc văn hóa dân tộc, mà ngược lại, đây là phương tiện hữu hiệu để định vị bản sắc Việt Nam một cách chủ động và có đối thoại trong tương quan toàn cầu. Khi người học được tiếp cận đa dạng các hệ giá trị văn hóa thế giới thông qua giáo dục đa văn hóa sẽ có điều kiện để phân tư về giá trị bản địa, từ đó xây dựng một bản sắc lai tạo (*hybrid identity*) một cách linh hoạt và có ý thức. Bản sắc này cho phép cá nhân phát triển mạnh mẽ trong môi trường toàn cầu mà vẫn gìn giữ được căn tính văn hóa riêng. Vai trò này đặc biệt quan trọng đối với quốc tế hóa giáo dục vì một quá trình quốc tế hóa thực sự không chỉ là nhập khẩu tri thức mà còn là xuất khẩu giá trị văn hóa và tri thức bản địa, nâng cao vị thế và ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế.

Giáo dục đa văn hóa góp phần kiến tạo “không gian thứ ba” về học thuật và sáng tạo liên văn hóa. Giáo dục đa văn hóa không chỉ đơn thuần là việc dung hòa các nền văn hóa, mà còn có khả năng kiến tạo “không gian thứ ba” trong môi trường học đường. “Không gian thứ ba” là một khái niệm mang tính đột phá, ám chỉ một không gian mới mẻ, linh hoạt, nơi các ranh giới văn hóa truyền thống bị thách thức và vượt qua, cho phép sự xuất hiện của những ý tưởng, phương pháp và giải pháp sáng tạo chưa từng có [30]. Trong bối cảnh quốc tế hóa giáo dục, giáo dục đa văn hóa thúc đẩy việc tạo ra các môi trường học tập nơi sinh viên từ các nền văn hóa khác nhau không chỉ tương tác mà còn đồng sáng tạo tri thức và giải quyết vấn đề thông qua sự kết hợp độc đáo của các quan điểm đa dạng. Vai trò này vượt ra ngoài việc chỉ chấp nhận sự đa dạng để hướng tới việc khai thác sự đa dạng như một động lực chính cho sự phát triển học thuật và đổi mới sáng tạo, một khía cạnh mà nhiều chiến lược quốc tế hóa giáo dục truyền thống thường bỏ qua.

Dựa vào giáo dục đa văn hóa để phát triển năng lực “chuyên dịch văn hóa” của công dân toàn cầu. Trong một thế giới đầy biến động và liên kết chặt chẽ, quốc tế hóa giáo dục cần trang bị cho người học không chỉ kiến thức đa văn hóa mà còn là năng lực “chuyên dịch văn hóa” (*cultural agility*) - khả năng nhanh chóng thích nghi, điều chỉnh hành vi, và làm việc hiệu quả trong nhiều bối cảnh văn hóa khác nhau [31]. Giáo dục đa văn hóa đóng vai trò cốt lõi trong việc nuôi dưỡng năng lực này, giúp người học phát triển sự tự nhận thức về văn hóa của bản thân và sự linh hoạt trong tư duy để chuyển đổi giữa các khuôn khổ văn hóa khác nhau. So với năng lực liên văn hóa truyền thống vốn thường nhấn mạnh vào sự hiểu biết và giao tiếp, “chuyên dịch văn hóa” tập trung vào khả năng thực hành và vận dụng linh hoạt trong các tình huống thực tế, là một kỹ năng cần thiết cho công dân toàn cầu thế kỷ XXI.

4. Triển vọng quốc tế hóa giáo dục ở Việt Nam từ giáo dục đa văn hóa

Giáo dục đa văn hóa đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng nền tảng tư duy toàn cầu cho người học - một yếu tố cốt lõi của quốc tế hóa giáo dục [29], [32]. Theo logic

phát triển của quốc tế hóa giáo dục, việc đào tạo người học có năng lực đa văn hóa, biết tôn trọng và điều hướng sự khác biệt văn hóa là điều kiện cần để hội nhập giáo dục toàn cầu [5], [6]. Giáo dục đa văn hóa giúp người học nhận thức và đánh giá đa dạng các quan điểm, kết nối và hợp tác hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, và cam kết với các giá trị chung toàn cầu. Thông qua việc tiếp cận các quan điểm đa dạng và phân tích các vấn đề từ nhiều góc độ văn hóa, người học sẽ phát triển tư duy phân biện và khả năng đặt câu hỏi về các giả định - những kỹ năng nền tảng cho sự đổi mới, sáng tạo và khả năng thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của thế giới.

Khái niệm “quốc tế hóa tại chỗ” (*internationalization at home*) ngày càng trở nên quan trọng, khẳng định rằng quốc tế hóa không chỉ là việc gửi sinh viên ra nước ngoài mà còn là khả năng tạo ra một môi trường học tập toàn cầu ngay tại quốc gia sở tại [33]. Trong đó, giáo dục đa văn hóa giữ vai trò trung tâm để xây dựng lớp học như một “không gian giao thoa văn hóa” - nơi sinh viên Việt Nam và sinh viên quốc tế có thể tương tác, học hỏi lẫn nhau và chuẩn bị cho hội nhập toàn cầu mà không cần rời khỏi biên giới quốc gia. Quốc tế hóa tại chỗ được thúc đẩy bởi giáo dục đa văn hóa giúp tối đa hóa lợi ích của quốc tế hóa cho tất cả người học, không chỉ giới hạn ở một nhóm nhỏ có điều kiện đi du học.

Giáo dục đa văn hóa góp phần quan trọng vào việc thiết kế chương trình đào tạo mang tính toàn cầu hóa và hấp dẫn sinh viên quốc tế. Việc tích hợp các nội dung và phương pháp giảng dạy phản ánh sự đa dạng văn hóa không chỉ cải thiện chất lượng học thuật mà còn nâng cao chỉ số “quốc tế hóa” trong các bảng xếp hạng đại học toàn cầu (như QS, THE...). Một chương trình học được thiết kế với tư duy đa văn hóa sẽ hấp dẫn hơn đối với sinh viên quốc tế, đặc biệt là từ các quốc gia trong khu vực ASEAN và châu Á, những nơi mà sinh viên có xu hướng lựa chọn môi trường học tập vì cảm thấy được chào đón và được công nhận về bản sắc văn hóa.

Giáo dục đa văn hóa thúc đẩy các trường đại học xây dựng các nhóm nghiên cứu liên ngành, đa quốc gia và đa văn hóa vốn là xu hướng phổ biến và cần thiết trong học thuật toàn cầu [34]. Khi các nhà nghiên cứu từ các nền văn hóa và trường phái tư duy khác nhau hợp tác sẽ mang đến những góc nhìn đa chiều, phương pháp tiếp cận mới mẻ và khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp một cách sáng tạo hơn [35]. Đây là điều kiện cần để Việt Nam nâng cao năng lực xuất bản quốc tế trên các tập san khoa học, tham gia sâu rộng vào các mạng lưới học thuật toàn cầu và đóng góp vào hệ sinh thái tri thức Thế giới một cách có ý nghĩa.

Tương tự như việc thu hút sinh viên, một môi trường học thuật tôn trọng sự đa dạng văn hóa và thúc đẩy tư duy liên văn hóa sẽ thu hút được đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên chất lượng cao từ khắp nơi trên thế giới. Sự đa dạng trong đội ngũ này không chỉ làm giàu thêm nguồn lực trí tuệ mà còn mang lại những góc nhìn mới, phương pháp giảng dạy tiên tiến, và kinh nghiệm nghiên cứu quốc tế, qua đó nâng cao chất lượng tổng thể của giáo dục đại học Việt Nam. Giáo dục đa văn hóa giúp các cơ sở giáo dục Việt Nam có khả năng quản lý và hỗ trợ tốt cho sinh viên, giảng viên đến từ các nền văn hóa khác, tạo tiền đề thúc đẩy mạnh

mẽ các chương trình liên kết đào tạo, trao đổi sinh viên và nghiên cứu, đa dạng hóa nguồn lực học tập và mở rộng mạng lưới học thuật quốc tế.

Thông qua việc tiếp cận các quan điểm đa dạng và phân tích các vấn đề từ nhiều góc độ văn hóa, người học sẽ phát triển tư duy phân biện và khả năng đặt câu hỏi về các giả định. Điều này là nền tảng cho sự đổi mới và sáng tạo, cũng như khả năng thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của Thế giới. Trong một thế giới kết nối, khả năng giao tiếp hiệu quả với những người có nền tảng văn hóa khác biệt là vô cùng quan trọng. Giáo dục đa văn hóa cung cấp cơ hội để học sinh thực hành giao tiếp liên văn hóa, hiểu các tín hiệu phi ngôn ngữ, và điều chỉnh phong cách giao tiếp để tránh hiểu lầm. Kỹ năng này không chỉ hữu ích trong môi trường học thuật quốc tế mà còn trong môi trường làm việc đa quốc gia [36].

Quốc tế hóa giáo dục đã bước sang một giai đoạn phát triển mới, nơi các yếu tố công nghệ, địa-chính trị, kinh tế tri thức và năng lực công dân toàn cầu cùng tác động mạnh mẽ đến cách thiết kế, vận hành và phát triển hệ thống giáo dục trên toàn Thế giới [37] - [39]. Từ một tiến trình mang tính học thuật và song phương, quốc tế hóa giáo dục đang được tái định hình như một chiến lược phát triển hệ sinh thái học tập xuyên biên giới, nơi học tập trở thành công cụ phục vụ cho chuyển đổi số, đối thoại văn hóa, nâng cao quyền lực mềm và thúc đẩy phát triển bền vững. Trong giai đoạn hiện nay, Thế giới và Việt Nam đang chứng kiến những đột phá mới trong quốc tế hóa giáo dục, không chỉ phản ánh sự thay đổi của môi trường bên ngoài, mà còn đòi hỏi tư duy chiến lược và tái cấu trúc toàn diện từ bên trong hệ thống giáo dục với sự tham gia đóng góp tích cực của giáo dục đa văn hóa.

Thứ nhất, quốc tế hóa giáo dục toàn cầu đang dịch chuyển từ “quốc tế hóa học thuật” sang “quốc tế hóa năng lực công dân toàn cầu”. Nếu trước đây các hoạt động quốc tế hóa tập trung vào trao đổi sinh viên, hợp tác nghiên cứu hay chương trình song bằng [40], thì hiện nay, mục tiêu cốt lõi của quốc tế hóa giáo dục là hình thành nên những cá nhân có năng lực toàn cầu, có khả năng thích ứng với bất định, tư duy liên văn hóa và trách nhiệm xã hội trong một thế giới nhiều khủng hoảng (VUCA). Giáo dục vì thế không chỉ nhằm truyền đạt tri thức, mà còn xây dựng các năng lực cốt lõi như đạo đức, khả năng học tập xuyên biên giới, và ý thức toàn cầu vốn là những yếu tố được xem như nền tảng cho thế hệ học sinh, sinh viên toàn cầu mới.

Thứ hai, thế giới đang chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của mô hình “giáo dục xuyên biên giới” (*transnational education*). Với sự hỗ trợ của công nghệ số, thực tế ảo tăng cường (XR), trí tuệ nhân tạo và blockchain, sinh viên hiện nay có thể tiếp cận các chương trình đào tạo chất lượng quốc tế ngay tại chỗ, mà không cần di chuyển đến nước ngoài. Điều này làm mờ dần ranh giới quốc gia trong giáo dục và định hình một tương lai mới của “trường đại học không biên giới” là nơi các tổ chức giáo dục không còn phụ thuộc vào vị trí địa lý, mà cạnh tranh dựa trên chất lượng nội dung, nền tảng công nghệ và khả năng cá nhân hóa học tập. Trong bối cảnh này, tính linh hoạt, công nhận tín chỉ xuyên quốc gia, và hệ sinh thái số tích hợp trở thành trụ cột mới của quốc tế hóa.

Thứ ba, một xu hướng mang tính địa-chiến lược nổi bật là sự trỗi dậy của các hệ sinh thái giáo dục đa cực và “quốc tế hóa phương Nam” (*internationalization of the Global South*) [41] - [43]. Nếu trước đây quốc tế hóa chủ yếu tập trung tại các trung tâm giáo dục phương Tây như Hoa Kỳ, Anh, EU hay Canada, thì nay, các quốc gia thuộc khu vực Nam bán cầu điển hình như Trung Quốc, Ấn Độ, UAE, Nam Phi và cả Việt Nam đang trở thành những cực mới trong mạng lưới giáo dục toàn cầu. Thông qua việc thành lập các liên minh đại học, viện đào tạo khu vực, và phát triển năng lực giảng dạy xuyên biên giới, các quốc gia này đang thúc đẩy một mô hình quốc tế hóa mang tính chủ động, hướng nội, và phản ánh bản sắc địa phương trong toàn cầu hóa [41], [44].

Thứ tư, quốc tế hóa giáo dục ngày càng được dẫn dắt bởi các doanh nghiệp và nền tảng công nghệ, thay vì chỉ là sản phẩm của các trường đại học truyền thống. Các tập đoàn công nghệ giáo dục toàn cầu như Google, Microsoft, Coursera, edX... đang mở rộng ảnh hưởng thông qua việc cung cấp các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế, chương trình học tập suốt đời và mô hình học kết hợp việc làm. Điều này phản ánh một sự dịch chuyển chiến lược trong quốc tế hóa từ “university-driven” sang “industry-driven”. Trong bối cảnh đó, chuẩn đầu ra quốc tế không còn phụ thuộc vào bằng cấp truyền thống mà hướng đến năng lực thực hành, chứng chỉ số, và sự công nhận từ thị trường lao động toàn cầu.

Thứ năm, quốc tế hóa giáo dục đang nổi lên như một công cụ ngoại giao chiến lược - một hình thức quyền lực mềm mới gọi là “ngoại giao giáo dục” (*edu-diplomacy*) [45]. Các chương trình học bổng quốc tế, viện hợp tác giáo dục, trung tâm ngôn ngữ-văn hóa đang trở thành công cụ thúc đẩy ảnh hưởng chính trị và hợp tác khu vực. Trong bối cảnh địa-chính trị mới, giáo dục không chỉ phục vụ phát triển kinh tế, mà còn là phương tiện xây dựng lòng tin, đối thoại và kết nối liên minh chiến lược. Với vai trò là thành viên tích cực của ASEAN và đối tác của nhiều nền giáo dục lớn, Việt Nam có thể tận dụng cơ hội này để khẳng định vị thế trong khu vực thông qua việc hình thành các viện đào tạo khu vực, trung tâm nghiên cứu ASEAN, chương trình đào tạo lãnh đạo trẻ khu vực và liên kết học thuật liên quốc gia.

Từ góc độ chiến lược, để nắm bắt các xu hướng quốc tế hóa mới, Việt Nam cần chuyển từ tư duy “tham gia” sang tư duy “kiến tạo”, chủ động thiết lập các liên minh giáo dục khu vực, hình thành các trung tâm học tập xuyên biên giới tại chỗ, nâng cao năng lực giảng dạy song ngữ và tích hợp công nghệ số vào mọi cấp học. Quốc tế hóa giáo dục không còn là mục tiêu riêng của ngành giáo dục, mà trở thành đòn bẩy chiến lược trong phát triển nguồn nhân lực, nâng cao sức cạnh tranh quốc gia và gia tăng ảnh hưởng văn hóa Việt Nam trong Thế giới toàn cầu hóa.

5. Một số đề xuất thúc đẩy quốc tế hóa giáo dục từ giáo dục đa văn hóa

Triển vọng phát triển giáo dục đa văn hóa tại Việt Nam gắn chặt với ba trụ cột (1) thiết kế chương trình đào tạo sư phạm theo hướng phát triển năng lực liên văn hóa, (2) cải cách nội dung giáo dục theo hướng phản ánh sự đa dạng

văn hóa, và (3) xây dựng môi trường giáo dục cởi mở, đa chiều, tôn trọng khác biệt. Đặc biệt, đề quốc tế hóa giáo dục thành công, cần tích hợp giáo dục đa văn hóa vào mọi cấp học - không chỉ như một nội dung kiến thức, mà như một phương pháp luận sư phạm và một chiến lược phát triển thể chế giáo dục.

Để phát triển giáo dục đa văn hóa như một trụ cột hỗ trợ quốc tế hóa giáo dục Việt Nam, cần thực hiện đồng thời một số giải pháp liên quan đến i) Xây dựng chiến lược giáo dục đa văn hóa quốc gia, tích hợp vào Chiến lược quốc tế hóa giáo dục giai đoạn 2025-2035 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó chiến lược cần xác định rõ khuôn khổ năng lực đa văn hóa mà người học cần đạt được ở từng cấp độ giáo dục (như năng lực tự nhận thức văn hóa, năng lực giao tiếp liên văn hóa, năng lực giải quyết vấn đề đa văn hóa); ii) Cải cách chương trình đào tạo sư phạm theo hướng phát triển năng lực toàn cầu và kỹ năng sư phạm đa văn hóa, cần thiết đưa vào chương trình đào tạo sư phạm các môn học chuyên biệt và bắt buộc về giáo dục đa văn hóa và năng lực liên văn hóa không chỉ là các học phần mang tính giới thiệu; iii) Xây dựng không gian giáo dục cởi mở, khuyến khích giao lưu giữa các nhóm văn hóa, thúc đẩy học sinh, sinh viên tham gia đối thoại và hoạt động học thuật mang tính liên văn hóa (câu lạc bộ, diễn đàn mô phỏng đa quốc gia, các tuần lễ văn hóa...), đặc biệt, kiến tạo “không gian thứ ba” - nơi người học và người từ các nền văn hóa khác nhau có thể tương tác, hợp tác và đồng sáng tạo tri thức.

6. Kết luận

Giáo dục đa văn hóa không đơn thuần là một trào lưu giáo dục quốc tế, mà là một cách tiếp cận mang tính chiến lược giúp Việt Nam phát triển một hệ thống giáo dục nhân văn, cởi mở và hội nhập. Giáo dục đa văn hóa vừa là tiền đề, vừa là động lực thúc đẩy quốc tế hóa giáo dục ở cả ba cấp độ i) cá nhân người học (thông qua năng lực toàn cầu), ii) cơ sở giáo dục (thông qua quốc tế hóa tại chỗ và chương trình đào tạo), và iii) hệ thống giáo dục quốc gia (thông qua năng lực cạnh tranh học thuật và định vị bản sắc). Đồng thời, việc xây dựng năng lực sư phạm liên văn hóa, tái cấu trúc chương trình học theo hướng đa nguyên, và thúc đẩy đối thoại văn hóa trong lớp học là những chiến lược thiết yếu để cụ thể hóa giáo dục đa văn hóa tại Việt Nam. Trong tương lai, đề quốc tế hóa giáo dục không trở thành sự du nhập đơn chiều hay phi bản địa, Việt Nam cần đầu tư chiều sâu cho các chính sách phát triển giáo dục đa văn hóa như một trụ cột trong chiến lược giáo dục quốc gia./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] G. V. Kashkan and M. S. Egorova, “Problems and Outlooks of International Integration of Higher Education.”, *International Education Studies*, vol. 8, no. 7, pp. 250–255, 2015, doi: 10.5539/ies.v8n7p250.
- [2] S. Bytheway, “Liberalization, internationalization, and globalization: Charting the course of foreign investment in the finance and commerce of Japan, 1945–2009”, in *Japan Forum*, Taylor & Francis, 2010, pp. 433–465.
- [3] C. Kreber, “Different perspectives on internationalization in higher education”, *New directions for teaching and learning*, vol. 2009, no. 118, pp. 1–14, 2009, doi: 10.1002/tl.348.
- [4] C. Matus and S. Talburt, “Spatial imaginaries: universities, internationalization, and feminist geographies”, *Discourse: studies in the cultural politics of education*, vol. 30, no. 4, pp. 515–527, 2009, doi: 10.1080/01596300903237271.
- [5] J. Knight, “Internationalization: Concepts, complexities and challenges”, in *International handbook of higher education*, Springer, 2007, pp. 207–227.
- [6] J. Knight, “Internationalization remodeled: Definition, approaches, and rationales”, *J Stud Int Educ*, vol. 8, no. 1, pp. 5–31, 2004, doi: 10.1177/1028315303260832.
- [7] H. Ota, “Internationalization of higher education: Global trends and Japan’s challenges”, *Educational Studies in Japan*, vol. 12, pp. 91–105, 2018, doi: 10.7571/esjkyoiku.12.91.
- [8] E. L. Urban and L. B. Palmer, “International students as a resource for internationalization of higher education”, *J Stud Int Educ*, vol. 18, no. 4, pp. 305–324, 2014, doi: 10.1177/1028315313511642.
- [9] D. K. Deardorff, H. de Wit, and J. Heyl, “Bridges to the future,” in *The SAGE Handbook of International Higher Education*, D. K. Deardorff, H. de Wit, J. Heyl, and T. Adams, Eds., Thousand Oaks, CA: SAGE Publishing, 2012, pp. 457–487.
- [10] M. J. Sá and S. Serpa, “Cultural dimension in internationalization of the curriculum in higher education”, *Educ Sci (Basel)*, vol. 10, no. 12, p. 375, 2020, doi: 10.3390/educsci10120375.
- [11] H. De Wit, “Internationalization in higher education, a critical review”, *SFU educational Review*, vol. 12, no. 3, pp. 9–17, 2019, doi: 10.21810/sfuer.v12i3.1036.
- [12] N. T. Hoai, L. V. Q. Duy, and D. Cassells, “Internationalization as a strategy to enhance higher education quality in Vietnam—reflections from university leaders”, *The Learning Organization*, vol. 30, no. 5, pp. 554–570, 2023, doi: 10.1108/TLO-12-2021-0151.
- [13] J. H. Ryu and A. T. Nguyen, “Internationalization of higher education in Vietnam: current situations, policies, and challenges”, *International Journal of Comparative Education and Development*, vol. 23, no. 3, pp. 227–241, 2021, doi: 10.1108/IJCED-10-2020-0074.
- [14] J. A. Banks, *Multicultural education: Theory and practice*. Boston: Allyn & Bacon, 1994.
- [15] J. A. Banks, “The Historical Reconstruction of Knowledge about Race: Implications for Transformative Teaching”, *Educational Researcher*, vol. 24, no. 2, pp. 15–25, 1995, doi: 10.2307/1176421.
- [16] J. A. Banks, “Multicultural Education: Goals, Possibilities and Challenges”, in *Multicultural Education in the 21st century*, C. F. Diaz, Ed., New York: Addison-Wesley, 2001, pp. 11–22.
- [17] J. A. Banks, “History, Characteristics and Goals”, in *Handbook of Research on Multicultural Education*, J. A. Banks and C. A. M. Banks, Eds., New York: Wiley, 2001, pp. 3–29.
- [18] J. A. Banks and C. A. M. Banks, *Handbook of research on multicultural education*. San Francisco: Jossey-Bass, 2002.
- [19] J. A. Banks and C. A. M. Banks, *Multicultural Education: Issues and Perspectives*. New York: Wiley, 2010.
- [20] J. A. Banks, “Multicultural Education: Development, Dimensions, and Challenges”, *The Phi Delta Kappan*, vol. 75, no. 1, pp. 22–28, 1993, doi: 10.2307/1167339.
- [21] N. Fraser, “Feminist politics in the age of recognition: A two-dimensional approach to gender justice”, *Studies in social justice*, vol. 1, no. 1, pp. 23–35, 2007, doi: 10.26522/ssj.v1i1.979.
- [22] N. Fraser, “Re-framing justice in a globalizing world”, in *(Mis) recognition, social inequality and social justice*, Routledge, 2007, pp. 29–47.
- [23] N. Fraser, “Social justice in the age of identity politics: Redistribution, recognition, and participation”, in *Geographic thought*, Routledge, 2008, pp. 72–89.
- [24] J. D. Kirylo, V. Thirumurthy, M. Smith, and P. McLaren, “Issues in education: Critical pedagogy: An overview”, *Child Educ*, vol. 86, no. 5, pp. 332–334, 2010, doi: 10.1080/00094056.2010.10521420.
- [25] E. T. Hall, *Beyond culture*. Anchor, 1976.
- [26] W. B. Gudykunst and Y. Y. Kim, *Communicating with strangers: An approach to intercultural communication*, vol. 19. McGraw-Hill New York, 1992.

- [27] V. Braun and V. Clarke, "Using thematic analysis in psychology", *Qual Res Psychol*, vol. 3, no. 2, pp. 77–101, 2006, doi: 10.1191/1478088706qp063oa.
- [28] MOET, *Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023 và triển khai nhiệm vụ năm học 2023-2024*. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hà Nội., 2023.
- [29] B. Leask, *Internationalizing the curriculum*. Routledge, 2015.
- [30] H. K. Bhabha, *The location of culture*. Routledge, 2012.
- [31] P. C. Earley and E. Mosakowski, "Cultural intelligence", *Harv Bus Rev*, vol. 82, no. 10, pp. 139–146, 2004.
- [32] J. A. Banks, *An introduction to multicultural education*. Boston: Allyn & Bacon, 2008.
- [33] J. Beelen and E. Jones, "Redefining internationalization at home", in *The European higher education area: Between critical reflections and future policies*, Springer International Publishing Cham, 2015, pp. 59–72.
- [34] P. G. Altbach and J. Knight, "The internationalization of higher education: Motivations and realities", *J Stud Int Educ*, vol. 11, no. 3–4, pp. 290–305, 2007, doi: 10.1177/1028315307303542.
- [35] D. K. Deardorff, "Identification and assessment of intercultural competence as a student outcome of internationalization", *J Stud Int Educ*, vol. 10, no. 3, pp. 241–266, 2006, doi: 10.1177/1028315306287002.
- [36] M. Byram, *Teaching and assessing intercultural communicative competence: Revisited*. Multilingual matters, 2020.
- [37] H. De Wit, "The future of internationalization of higher education in challenging global contexts", *ETD Educação Temática Digital*, vol. 22, no. 3, pp. 538–545, 2020, doi: 10.20396/etd.v22i3.8659471.
- [38] L. E. Rumbley, P. G. Altbach, L. Reisberg, and B. Leask, "Trends in global higher education and the future of internationalization: Beyond 2020", in *The handbook of international higher education*, Routledge, 2023, pp. 3–22.
- [39] F. Huang, D. Crăciun, and H. De Wit, "Internationalization of higher education in a post-pandemic world: Challenges and responses", *Higher Education Quarterly*, vol. 76, no. 2, pp. 203–212, 2022, doi: 10.1111/hequ.12392.
- [40] J. Knight, "Concepts, rationales, and interpretive frameworks in the internationalization of higher education", in *The SAGE handbook of international higher education*, D. K. Deardorff, H. De Wit, and J. D. Heyl, Eds., Sage, 2012, pp. 27–42.
- [41] J. Thondhlana, E. Garwe, and H. De Wit, "Internationalization of Higher Education in the Global South: Setting the Scene", in *Bloomsbury Handbook of the Internationalization of Higher Education in the Global South*, J. Thondhlana, J. Gacel-Ávila, H. De Wit, and E. C. Garwe, Eds., Bloomsbury London, 2021, pp. 1–20.
- [42] F. Kapfudzaruwa, "Internationalization of higher education and emerging national rationales: Comparative analysis of the Global North and South", *Higher Education Policy*, pp. 1–30, 2024, doi: 10.1057/s41307-024-00358-z.
- [43] F. Leal, K. Finardi, and J. Abba, "Challenges for an internationalization of higher education from and for the global south", *Perspectives in Education*, vol. 40, no. 3, pp. 241–250, 2022, doi: 10.18820/2519593X/pie.v40.i3.16.
- [44] H. De Wit and P. G. Altbach, "Internationalization in higher education: Global trends and recommendations for its future", *Policy reviews in higher education*, vol. 5, no. 1, pp. 28–46, 2021, doi: 10.1080/23322969.2020.1820898.
- [45] M. M. Khan, R. Ahmad, and L. W. Fernald, "Diplomacy and Education: A Systematic Review of", *Global Social Sciences Review*, vol. 3, pp. 1–9, 2020, doi: 10.31703/gssr.2020(V-III).01.